

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ
MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6510216
TRÌNH ĐỘ : CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo quyết định số: 160/QĐ-CĐCS ngày 29 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su*

Bình Phước, Năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 6510216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Thời gian khóa học: 3 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng là ngành, nghề học tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực khoa học kỹ thuật khác nhau như: Cơ học, cơ khí, điện - điện tử, tự động hóa, tin học, an toàn..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Ngành, nghề Công nghệ ô tô chủ yếu tập trung giải quyết bốn vấn đề cơ bản: Thiết kế, chế tạo, khai thác sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa.

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận nhiệm vụ như bảo dưỡng, sửa chữa; chế tạo, sản xuất; quản lý, kinh doanh; đào tạo trong lĩnh vực ô tô và xe - máy chuyên dùng.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng có đủ kiến thức, kỹ năng hành nghề và khả năng tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp dịch vụ sửa chữa, chế tạo và lắp ráp ô tô; ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào công việc; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp; có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên các trình độ cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- Giải thích được bản vẽ kỹ thuật, kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm các thông số kỹ thuật của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện, điện tử, khí nén và thủy lực của các loại ô tô;

- Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
- Trình bày được các yêu cầu cơ bản và các bước công việc khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp sử dụng, vận hành và phạm vi ứng dụng của các dụng cụ và trang thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ ô tô;
- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;
- Phân tích được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;
- Trình bày được phương pháp quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô; nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2 Kỹ năng:

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật về kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các sơ đồ mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển; đọc được các ký hiệu phân loại của các linh kiện, chi tiết, bộ phận trên ô tô; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Lựa chọn đúng, sử dụng thành thạo và bảo dưỡng, bảo quản được các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Chẩn đoán và phát hiện chính xác và đầy đủ các sai hỏng trong các cụm chi tiết, các hệ thống của ô tô;
- Kiểm tra được những sai hỏng của các cụm chi tiết, bộ phận và hệ thống trong ô tô;
- Lập được quy trình tháo, lắp các chi tiết, bộ phận, hệ thống của ô tô;
- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng lỗi kỹ thuật và từng loại ô tô;
- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm, đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn lao động;
- Tổ chức và quản lý được quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;
- Thực hiện tốt các nội dung 5S;
- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;
- Tiếp nhận và chuyển giao được các công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
- Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp;
- Có khả năng đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học

ở trình độ thấp hơn.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ Hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa ô tô;
- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô;
- Kiểm định ô tô;
- Quản lý bộ phận chăm sóc khách hàng ở các đại lý bán, bảo hành ô tô.
- Quản lý gara ô tô, trung tâm bảo hành - sửa chữa ô tô.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.520/91 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 38

- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2.085/71 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 795 (giờ); thực hành, thực tập: 1.725 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Làm việc nhóm
2	NLCB-02	Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày
3	NLCB-03	Giao tiếp với khách hàng
4	NLCB-04	Duy trì kiến thức ngành nghề
5	NLCB-05	Lập kế hoạch, thực hiện công việc
6	NLCB-06	Phát triển năng lực kinh doanh
7	NLCB-07	Soạn thảo, thực hiện hợp đồng
8	NLCB-08	Có chứng chỉ về an toàn lao động, 5S
9	NLCB-09	Tiếp nhận và xử lý yêu cầu của khách hàng.
10	NLCB-10	Nhận nhiệm vụ và lập kế hoạch chăm sóc, làm đẹp xe ô tô
11	NLCB-11	Tiến hành sơ cứu nạn nhân bị tai nạn lao động
12	NLCB-12	Nhận nhiệm vụ và lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa ô tô
13	NLCB-13	Thực hiện vệ sinh công nghiệp.
14	NLCB-14	Thực hiện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động
15	NLCB-15	Thực hiện các biện pháp an toàn sử dụng điện và sơ cứu người bị điện giật.
16	NLCB-16	Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ.
17	NLCB-17	Chuẩn bị các dụng cụ, vật liệu và các thiết bị cần thiết.
18	NLCB-18	Thực hiện công tác bảo hộ lao động cá nhân.
19	NLCB-19	Tìm hiểu các chế độ, chính sách lao động và nội qui làm việc tại nơi công tác

20	NLCB-20	Nhận biết các loại phiếu xuất kho.
21	NLCB-21	Phân tích thị trường ô tô
22	NLCB-22	Cập nhật thông tin, giá cả thị trường
23	NLCB-23	Đọc, hướng dẫn sử dụng tài liệu chuyên ngành
24	NLCB-24	Đọc, hiểu các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành thông thường
25	NLCB-25	Cập nhật tra cứu thông tin phương tiện
26	NLCB-26	Xử lý các giao dịch tài chính
27	NLCB-27	Sắp xếp công việc và quản lý thời gian hiệu quả
28	NLCB-28	Kỹ năng đàm phán, giải quyết xung đột
29	NLCB-29	Phát triển mối quan hệ với đối tác và khách hàng
30	NLCB-30	Khả năng làm việc dưới áp lực cao
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Nhận dạng các loại ô tô
2	NLCL-02	Nhận dạng được các bộ phận của ô tô
3	NLCL-03	Phân loại được vật tư, phụ tùng
4	NLCL-04	5S và an toàn lao động tại nhà máy sản xuất, cơ sở kinh doanh
5	NLCL-05	Khai thác, sử dụng phần mềm quản lý kho, vật tư và phụ tùng ô tô
6	NLCL-06	Phân loại vật tư, linh kiện
7	NLCL-07	Sử dụng biên bản giao, nhận
8	NLCL-08	Kiểm tra các lỗi kỹ thuật
9	NLCL-09	Sửa chữa các lỗi kỹ thuật
10	NLCL-10	Vận hành xe ô tô
11	NLCL-11	Tháo - lắp động cơ.
12	NLCL-12	Bảo dưỡng kỹ thuật cơ cấu phân phối khí.

13	NLCL-13	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống làm mát.
14	NLCL-14	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống bôi trơn.
15	NLCL-15	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống nhiên liệu động cơ xăng.
16	NLCL-16	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel
17	NLCL-17	Bảo dưỡng kỹ thuật cụm thân máy, nắp máy, các te.
18	NLCL-18	Bảo dưỡng kỹ thuật cụm thanh truyền, piston và trục khuỷu.
19	NLCL-19	Bảo dưỡng định kỳ động cơ
20	NLCL-20	Bảo dưỡng động cơ điện và hệ thống pin trên xe Hybrid
21	NLCL-21	Điều chỉnh bơm cao áp và vòi phun.
22	NLCL-22	Kiểm tra công suất động cơ và áp suất nén trong xy lanh.
23	NLCL-23	Kiểm tra khí xả động cơ.
24	NLCL-24	Sửa chữa cơ cấu phân phối khí
25	NLCL-25	Sửa chữa hệ thống làm mát.
26	NLCL-26	Sửa chữa hệ thống bôi trơn.
27	NLCL-27	Sửa chữa hệ thống nhiên liệu loại phun xăng điện tử.
28	NLCL-28	Sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử.
29	NLCL-29	Sửa chữa cụm thân máy, nắp máy và các te.
30	NLCL-30	Sửa chữa cụm piston - thanh truyền.
31	NLCL-31	Sửa chữa cụm trục khuỷu - bánh đà.
32	NLCL-32	Sửa chữa bộ chế hòa khí điều khiển điện tử.
33	NLCL-33	Sửa chữa bơm cao áp tập trung (P.E)
34	NLCL-34	Sửa chữa bơm cao áp phân phối (V.E)
35	NLCL-35	Sửa chữa bộ tăng áp động cơ.
36	NLCL-36	Sửa chữa vòi phun cao áp động cơ Diesel.
37	NLCL-37	Sửa chữa bơm cao áp và vòi phun kết hợp.

38	NLCL-38	Sửa chữa bơm thấp áp động cơ Diesel.
39	NLCL-39	Sửa chữa bơm xăng kiểu màng, điều khiển cơ khí
40	NLCL-40	Sửa chữa cụm bầu lọc, ống dẫn và thùng nhiên liệu.
41	NLCL-41	Chạy rà động cơ.
42	NLCL-42	Chẩn đoán kỹ thuật cơ cấu phân phối khí.
43	NLCL-43	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống bôi trơn.
44	NLCL-44	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống làm mát.
45	NLCL-45	Chẩn đoán chung tình trạng kỹ thuật của ô tô.
46	NLCL-46	Chẩn đoán kỹ thuật động cơ.
47	NLCL-47	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống nhiên liệu.
48	NLCL-48	Sửa chữa bộ trợ lực phanh.
49	NLCL-49	Bảo dưỡng kỹ thuật biến mô thủy lực.
50	NLCL-50	Bảo dưỡng kỹ thuật hộp số tự động và cơ cấu chuyển số E.A.T.
51	NLCL-51	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống phanh A.B.S.
52	NLCL-52	Sửa chữa khung, vỏ xe ô tô
53	NLCL-53	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống phanh
54	NLCL-54	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống lái
55	NLCL-55	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống truyền lực.
56	NLCL-56	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống treo và khung xe.
57	NLCL-57	Bảo dưỡng kỹ thuật ắc quy.
58	NLCL-58	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống khởi động điện.
59	NLCL-59	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống đánh lửa.
60	NLCL-60	Bảo dưỡng kỹ thuật máy phát điện xoay chiều.
61	NLCL-61	Bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống chiếu sáng và tín hiệu.

62	NLCL-62	Bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí ô tô
63	NLCL-63	Bảo dưỡng kỹ thuật các thiết bị tiện nghi và thiết bị phụ.
64	NLCL-64	Sửa chữa ắc quy.
65	NLCL-65	Sửa chữa máy khởi động.
66	NLCL-66	Sửa chữa hệ thống đánh lửa.
67	NLCL-67	Sửa chữa máy phát điện xoay chiều.
68	NLCL-68	Sửa chữa hệ thống chiếu sáng và tín hiệu
69	NLCL-69	Sửa chữa các thiết bị tiện nghi và các thiết bị phụ
70	NLCL-70	Sửa chữa các thiết bị làm sạch kính chắn gió
71	NLCL-71	Sửa chữa hệ thống điều hòa không khí ô tô
72	NLCL-72	Chẩn đoán kỹ thuật hệ thống khởi động và đánh lửa.
73	NLCL-73	Chẩn đoán kỹ thuật các trang thiết bị điện ô tô.
74	NLCL-74	Vận hành các quy trình dịch vụ trong lĩnh vực ô tô.
75	NLCL-75	Vận hành các quy trình sửa chữa ô tô
76	NLCL-76	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô
77	NLCL-77	Đào tạo nhân viên
78	NLCL-78	Kiểm tra nhận dạng, tổng quát
79	NLCL-79	Kiểm tra phần trên của phương tiện
80	NLCL-80	Kiểm tra phần dưới của phương tiện
81	NLCL-81	Sử dụng được các thiết bị đo kiểm
III	Năng lực nâng cao	
1	NLNC-01	Khả năng lắng nghe và hiểu tâm lý nhân viên
2	NLNC-02	Kỹ năng đào tạo, giao việc và giám sát
3	NLNC-03	Khả năng giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục tốt

4	NLNC-04	Tổ chức thu thập, phân tích, đánh giá thông tin thị trường và đưa ra đề xuất, kiến nghị
5	NLNC-05	Thực hiện các chính sách kinh doanh của công ty
6	NLNC-06	Triển khai các hoạt động hỗ trợ khách hàng
7	NLNC-07	Xác định được thay đổi của môi trường kinh doanh Dịch vụ sửa chữa. Khả năng chịu áp lực công việc.
8	NLNC-08	Tuyển chọn, sắp xếp, đánh giá đúng năng lực của từng vị trí công việc của nhân viên từ đó đưa ra hướng đào tạo cho từng Nhân viên
9	NLNC-09	Thực hiện các bài đào tạo nhóm
10	NLNC-10	Lập kế hoạch, phân công và giám sát công việc của nhóm

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/KT
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH 01	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
MH 02	Tin học	3	75	15	58	2
MH 03	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 04	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 05	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH 06	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	71	2.085	638	1.307	140
II.1	Môn học/ mô đun cơ sở	16	435	238	178	19
MH 07	Vẽ kỹ thuật	1	30	15	14	1
MH 08	Cơ kỹ thuật	1	30	20	9	1
MH 09	Kỹ thuật điện - điện tử	2	45	30	14	1

MH 10	Vật liệu cơ khí	1	30	20	9	1
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	1	30	20	9	1
MH 12	An toàn lao động	1	30	24	5	1
MH 13	Tiếng Anh chuyên ngành CNOT	1	30	20	9	1
MH 14	Auto Cad	1	30	14	15	1
MD 15	Thực hành cơ khí	3	75	15	55	5
MH 16	Quản lý dịch vụ ô tô	2	45	30	14	1
MH 17	Công nghệ khí nén – thủy lực ứng dụng	2	60	30	25	5
II.2	Môn học/ mô đun chuyên môn	55	1.650	400	1.129	121
MĐ18	Thực hành Điện - điện tử cơ bản	2	45	15	25	5
MĐ19	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	60	45	14	1
MĐ20	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ đốt trong	6	150	45	100	5
MĐ21	Động cơ đốt trong thế hệ mới	3	75	30	40	5
MĐ22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ Xăng	2	45	15	25	5
MĐ23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel	2	45	15	25	5
MĐ24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	2	60	15	40	5
MĐ25	Bảo dưỡng sửa chữa hộp số tự động	2	45	15	25	5
MĐ26	Ô tô điện và hybrid	3	75	30	40	5
MĐ27	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện động cơ	2	45	15	25	5
MĐ28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	60	15	40	5
MĐ29	Bảo dưỡng và sửa chữa điện thân xe và thiết bị tiện nghi	2	60	15	40	5
MĐ30	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật xe ô tô	2	60	15	40	5
MĐ31	Bảo dưỡng, Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển	3	75	30	40	5
MĐ32	Bảo dưỡng sửa chữa khung, thân, vỏ, sơn xe ô tô	2	60	15	40	5
MĐ33	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	15	40	5

MĐ34	Kỹ thuật lái xe	2	45	25	15	5
MĐ35	BDSC hệ thống điều khiển động cơ ô tô	2	45	15	25	5
MĐ36	Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô	2	60	15	40	5
MĐ37	Thực Tập cơ sở	3	160	0	150	10
MĐ38	Thực tập Tốt nghiệp	6	320	0	300	20
Tổng cộng		90	2.520	795	1.562	163

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

- Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Ngoại ngữ thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trong trường hợp Bộ LĐTBXH ban hành các Thông tư thay thế thì áp dụng theo Thông tư hiện hành.

Giáo dục quốc phòng và an ninh sinh viên được học tại Trường quân sự Quân đoàn 4 theo quy định của Bộ quốc phòng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khóa học, cho phép sinh viên cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất

- Đào tạo theo niên chế được tổ chức theo năm học, một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun. Ngoài hai học kỳ chính, nhà trường xem xét quyết định tổ chức thêm kỳ học phụ để người học có điều kiện được học lại, học bù. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun.

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện trong ba năm học

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo từng học kỳ

- Sinh viên phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp (trừ những trường hợp được làm khóa luận tốt nghiệp)

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương pháp tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô-đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô-đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô-đun, tín chỉ quy định trong chương trình.

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ của từng chương trình

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính

và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

- Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường

- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo môn học, mô-đun

- Sinh viên không phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp, sau khi tích lũy đủ môn học, mô-đun theo quy định của chương trình thì nhà trường xét tốt nghiệp

7.4. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến

- Các phần lý thuyết và những nội dung có thể thực hiện trực tuyến được triển khai thông qua các nền tảng học trực tuyến.

- Sử dụng các công cụ giảng dạy trực tuyến như video bài giảng, tài liệu điện tử, diễn đàn thảo luận và bài tập trực tuyến.

- Kiểm tra trực tuyến và bài tập nộp trực tuyến, sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá trực tuyến để đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

- Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định của nhà trường (Quy chế số 432/QC-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng về Quy định đào tạo trực tuyến). Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

7.5. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa tại trường

và tại một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo, thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Sinh hoạt, học tập chính trị đầu khóa, phổ biến các quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học	Tuần đầu của khoá học
2	Thể dục, thể thao	- Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
3	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
4	Hoạt động thư viện: Đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
5	Vui chơi, giải trí và các hoạt động khác	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt vào ngoài giờ lên lớp
6	Trải nghiệm thực tế về các vị trí làm việc, môi trường đi làm tại công ty, doanh nghiệp gắn với ngành nghề của HSSV	Học kỳ 1 của thời gian đào tạo
7	Hoạt động về nguồn, ngoại khóa	Mỗi khoá 1 lần
8	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục (giới tính, sức khỏe sinh sản, luật an toàn giao thông, bạo lực học đường, phòng chống mại dâm, ma túy...)	Phòng CTSV chịu trách nhiệm phối hợp với đoàn thanh niên và Ban nữ công tổ chức lồng ghép trong chào cờ hàng tháng
9	Học tập kỹ năng: - Văn hoá học đường - Kỹ năng học tập hiệu quả - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng số - Kỹ năng tìm kiếm việc làm	Giao cho Phòng CTSV chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Nội dung kỹ năng văn hoá học đường, Kỹ năng học tập hiệu quả nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức miễn phí. Các kỹ năng còn lại sẽ thu phí lấy thu bù chi.

10	Lao động	Giao Phòng CTSV chủ trì phối hợp cùng phòng TCHC phân công định kỳ hàng tháng
----	----------	---

7.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.7. Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.8. Các hướng dẫn khác:

Trong quá trình tổ chức đào tạo nếu có phát sinh các nội dung liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo, nhà trường sẽ ban hành các hướng dẫn kịp thời để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hiệu quả, linh động và đạt chất lượng cao nhất.

Bình Phước, ngày 29 tháng 4 năm 2024



ThS. Lê Văn Kích

PHÒNG ĐÀO TẠO

Lê Song Hào

KHOA KỸ THUẬT CN

Nguyễn Hữu Ninh